

**CÔNG TY CỔ PHẦN Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng**

Địa chỉ: Số 70C An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại: 043 7173 720

Fax: 043 7173 721

---

# **BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

## **BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN**

*CỦA*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG**

*TẠI*

**CÔNG TY CỔ PHẦN**

**NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG  
HỒNG**



**Đại diện phần vốn Nhà nước**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG  
HỒNG**

70C An Dương, Tây Hồ, Hà Nội

ĐT: (84-4) 3717 1603

[www.songhongcorp.com.vn](http://www.songhongcorp.com.vn)

**Tổ chức tư vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

ĐT: (84-04) 3573 0073; Fax: (84-4) 3573 008

[www.ivs.com.vn](http://www.ivs.com.vn)

---

(Để đảm bảo quyền lợi của các Nhà đầu tư, Ban tổ chức đấu giá khuyến cáo các Nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham dự đấu giá)

## MỤC LỤC

|             |  |    |
|-------------|--|----|
| <b>I.</b>   | <b>CĂN CỨ PHÁP LÝ</b> .....  | 5  |
| <b>II.</b>  | <b>NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> ..... | 6  |
| <b>III.</b> | <b>TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY</b> .....   | 7  |
| 1.          | Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: .....                                      | 7  |
| 2.          | Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty: .....  | 7  |
| 2.1.        | <i>Cơ cấu tổ chức:</i> .....   | 7  |
| 2.2.        | <i>Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:</i> .....  | 7  |
| 3.          | Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty: .....                                       | 11 |
| 3.1.        | <i>Vốn Điều lệ của Công ty:</i> .....  | 11 |
| 3.2.        | <i>Cơ cấu cổ đông của Công ty:</i> .....   | 12 |
| 5.          | Tình hình lao động: .....  | 12 |
| 5.1.        | <i>Tổng số lao động của Công ty:</i> .....   | 12 |
| 5.2.        | <i>Thu nhập bình quân:</i> .....   | 13 |
| 5.3.        | <i>Chính sách đối với người lao động:</i> .....  | 13 |
| 6.          | Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê: <i>Không có</i> .....            | 13 |
| 7.          | Hoạt động kinh doanh:.....   | 14 |
| 7.1.        | <i>Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:</i> .....                 | 14 |
| 7.2.        | <i>Cơ cấu chi phí:</i> .....   | 15 |
| 7.3.        | <i>Tình hình công nợ hiện nay:</i> .....   | 16 |
| 7.4.        | <i>Cơ cấu doanh thu</i> .....  | 18 |
| 7.5.        | <i>Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:</i> .....  | 19 |
| 3.          | Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:.....            | 21 |
| 4.          | Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới: .....  | 21 |
| <b>IV.</b>  | <b>CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....  | 22 |
| 1.          | Rủi ro kinh tế: .....  | 22 |
| 2.          | Rủi ro Pháp luật: .....  | 23 |
| 3.          | Rủi ro đặc thù: .....  | 23 |
|             | <i>Cạnh tranh</i> .....  | 23 |
| 4.          | Rủi ro từ đợt bán đấu giá: .....   | 23 |
| 5.          | Rủi ro khác:.....  | 23 |

|   |           |
|---|-----------|
| <b>V. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY.....</b> | <b>24</b> |
| 1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị: .....                            | 24        |
| 2. Danh sách thành viên Ban Giám đốc.....                                   | 26        |
| ❖ Ông Lã Tuấn Hưng – Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị.....        | 26        |
| 3. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:.....                                 | 26        |
| 4. Kế toán trưởng:.....   | 28        |
| <b>VI. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ.....</b>  | <b>29</b> |
| 1. Thông tin cơ bản:.....   | 29        |
| 2. Mục đích của việc chào bán:.....   | 29        |
| 4. Phương thức phân phối: .....   | 29        |
| 5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:.....                            | 29        |
| 6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá: .....                     | 30        |
| 7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá: .....                                  | 31        |
| 8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá: .....    | 32        |
| 9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:.....                       | 32        |
| 10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần: .....                        | 32        |
| 11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: .....                  | 32        |
| 12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không .....               | 33        |
| 13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không .....            | 33        |
| <b>VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ .....</b>                     | <b>33</b> |
| <b>VIII. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>                   | <b>33</b> |

## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

- ❖ **Tên Tiếng Việt** : CÔNG TY CỔ PHẦN Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng
- ❖ **Tên Tiếng Anh** :SONGHONG INTERNATIONAL MANPOWER AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : SONGHONG IM.,JSC
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 70C An Dương - Tây Hồ - Hà Nội
- ❖ **Điện thoại** : 043 7173 720
- ❖ **Fax** : 043 7173 721
- ❖ **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104638446** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 25 tháng 10 năm 2012
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

- *Hoạt động hậu kì Chi tiết: Biên tập, truyền hình /băng, đầu đề, phụ đề, người quay phim ( giới thiệu danh sách các diễn viên, đạo diễn, người quay phim,..), thuyết minh, đồ họa máy tính*
- *Cho thuê xe động cơ*
- *Cho ô tô*
- *Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại*
- *In ấn (trừ loại Nhà nước cấm)*
- *Dịch vụ liên quan đến in*
- *Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; máy móc, thiết bị xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;*

*Bán buôn tổng hợp;*

*Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;*

*Bán buôn kim loại và quặng kim loại;*

*Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác;*

*Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;*

*Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;*

*Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;*

*Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón;*

*Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;*

*Hoạt động xây dựng và chuyên dụng khác;*

*Xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác;*

*Xây dựng nhà các loại;*

*Giáo dục nghề nghiệp;*

*Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;*

*Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;*

*Đại lý;*

*Bán buôn thực phẩm;*

*Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa);*

*Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Điều hành tua du lịch;*

*Đại lý tua du lịch;*

*Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính);*

*Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);*

*Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;*

*Quảng cáo thương mại; môi giới thương mại; Nhượng quyền thương mại;*

*Đại diện cho thương nhân;*

*Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; triển lãm văn hóa nghệ thuật, tổ chức lễ hội; viết, đặt biển hiệu;*

*Đại lý kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông;*

*Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;*

- Vốn điều lệ thực góp : **4.600.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ : **5.000.000.000 đồng**
- Tổng số cổ phần : **500.000 cổ phần**
- Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**

❖ **Thông tin về đợt chào bán:**

- Số lượng cổ phần chào bán : **275.000 cổ phần**
- Giá trị chào bán : **2.750.000.000 đồng**
- Giá khởi điểm : **10.500 đồng/cổ phần**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- ❖ Luật doanh nghiệp 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- ❖ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Căn cứ Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần;
- ❖ Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và quản lý vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- ❖ Quyết định số 32/NQ-HĐQT ngày 27/03/2015 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Tổ chức phát hành:** Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng  
Đại diện theo Pháp luật: Ông Lã Tuấn Hưng  
Chức vụ: Giám đốc
- Tổ chức tư vấn:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam  
Đại diện tổ chức tư vấn: Ông Bùi Quang Kỳ  
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này phục vụ cho việc bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các số liệu, ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tự tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức tư vấn (IVS) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng cung cấp không đầy đủ hoặc trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng

### CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

**Ban tổ chức đấu giá** : Đại diện Công ty, đại diện tổ chức bán đấu giá được thành lập để thực hiện việc bán đấu giá vốn của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng ra bên ngoài và các công việc liên quan khác.

**Công ty** : CTCP NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG HỒNG

**CTCP** : Công ty cổ phần

**HDQT** : Hội đồng quản trị

**DHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông

**LNST** : Lợi nhuận sau thuế

**Tổ chức bán đấu giá** : Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

**UBND** : Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

### **III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng là chi nhánh của Tổng Công ty Sông Hồng hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực xuất khẩu lao động rất được tin cậy. Quy mô công ty đang trên đà phát triển, mở rộng nhiều thị trường: Đài Loan, Malaysia, Nhật Bản, các nước Trung Đông...

#### **2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:**

##### **2.1. Cơ cấu tổ chức:**

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các chi nhánh cùng các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

##### **2.2. Nhiệm vụ, chức năng các phòng ban:**

###### **2.2.1 Đại hội đồng cổ đông:**

- 1) ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất cả công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2) ĐHĐCĐ thường niên có các quyền và nhiệm vụ như sau:
  - ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
    - + Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm
    - + Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
    - + Báo cáo của Hội đồng quản trị.
    - + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài của Công ty.
  - ĐHĐCĐ thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua nghị quyết bằng văn bản các vấn đề sau:
    - + Bổ sung và sửa đổi điều lệ của công ty;
    - + Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;



- + Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- + Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- + Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- + Việc giám đốc điều hành đồng thời làm chủ tịch Hội đồng quản trị;
- + Lựa chọn công ty kiểm toán;
- + Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- + Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị;
- + Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- + Quyết định đầu tư, góp vốn, mua cổ phần vào các doanh nghiệp khác, giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất;
- + Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm gần nhất;
- + Quyết định mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- + Chia, tách hợp nhất hoặc chuyển đổi Công ty;
- + Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- + Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch đó được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;

### **2.2.2 Hội đồng quản trị:**

- 1) HĐQT có 3 thành viên;
- 2) Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
- 3) Đề cử thành viên vào hội đồng quản trị

- Là cổ đông cá nhân của Công ty sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, có ít nhất ba năm kinh nghiệm trong quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp có quy mô tương đương và thuộc lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
  - Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;
- 4) HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, ngành nghề kinh doanh, kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm của công ty;
  - b. Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm, Quy chế trả lương, trả thưởng và các quy chế khác liên quan đến hoạt động của công ty;
  - c. Quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty, các Chi nhánh, các đơn vị trực thuộc và các văn phòng đại diện hoặc theo đề nghị của Giám đốc Công ty;
  - d. Phê duyệt định biên độ dao động, đơn giá tiền lương trên cơ sở đề nghị của Giám đốc;
  - e. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách thức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Giám đốc công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Giám đốc các chi nhánh, các đơn vị trực thuộc, Trưởng văn phòng đại diện của Công ty;
  - f. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty vào các doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;
  - g. Quyết định số lượng, các loại cán bộ cấp trưởng, phó phòng ban của cơ quan Công ty, các chi nhánh, các văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc, quyết định mức lương, thù lao và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng của họ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc điều hành;
  - h. Quyết định số lượng lao động cần sử dụng, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc điều hành;
  - i. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này;
  - j. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - k. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

- m. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và chứng khoán chuyển đổi;
- n. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức
- o. Đề xuất phương án xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- s. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- t. Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ công ty.

### 2.2.2 Ban kiểm soát:

- 1) Là người thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh quản trị và điều hành của Công ty.
- 2) Ban kiểm soát có 3 thành viên trong đó có một thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán, am hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ và về pháp luật, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong quản lý và điều hành.
- 3) Ban kiểm soát đề cử một người làm trưởng ban kiểm soát, người này phải là người đại diện quản lý vốn nhà ước.
- 4) Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi BKS mới được bầu và đã nhận nhiệm vụ. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:
  - a. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  - c. Thẩm định, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT; Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên;
  - d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của

- ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản Điều 11 của Điều lệ này;
- e. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận;
  - f. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
  - g. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm soát độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
  - h. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - i. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - j. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
  - k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - l. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông yêu cầu;
  - m. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - n. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ này phải thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty;
  - p. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- 3. Vốn Điều lệ và Cơ cấu Cổ đông của Công ty:**
- 3.1. Vốn Điều lệ của Công ty:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0104638446** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2010 và thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 10 năm 2013, Vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng là **5.000.000.000 đồng** (Năm tỷ đồng) tương ứng 500.000 cổ phần và mệnh giá là 10.000 VNĐ.

### 3.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty:

#### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY Tại thời điểm 31/01/2015

| TT | Cổ đông          | Số cổ phần<br>nắm giữ<br>(Cp) | Giá trị<br>(VNĐ)     | Tỷ trọng<br>(%) |
|----|------------------|-------------------------------|----------------------|-----------------|
| 1  | Cổ đông nhà nước | 275,000                       | 2,750,000,000        | 55.00%          |
| 2  | Cổ đông khác     | 185,000                       | 1,850,000,000        | 45.00%          |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>460,000</b>                | <b>4,600,000,000</b> | <b>100%</b>     |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

## 5. Tình hình lao động:

### 5.1. Tổng số lao động của Công ty:

#### CƠ CẤU LAO ĐỘNG CỦA CÔNG TY Tại thời điểm 31/01/2015

| TT | Chỉ tiêu                            | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)   |
|----|-------------------------------------|------------------|-------------|
| 1  | <b>Phân theo trình độ lao động</b>  |                  |             |
|    | Trên Đại học và Đại học             | 16               | 72.73%      |
|    | Cao đẳng và trung cấp               | 6                | 27.27%      |
|    | Lao động phổ thông                  |                  |             |
| 2  | <b>Phân theo đối tượng lao động</b> |                  |             |
|    | Lao động trực tiếp                  | 22               | 100.00%     |
|    | Lao động gián tiếp                  | 0                | 0.00%       |
|    | <b>Tổng cộng</b>                    | <b>22</b>        | <b>100%</b> |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

**5.2. Thu nhập bình quân:****Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty***Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

| Năm                | 2011      | 2012      | 2013      |
|--------------------|-----------|-----------|-----------|
| Thu nhập bình quân | 4,786,000 | 4,950,000 | 5,065,000 |

*(Nguồn: Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)***5.3. Chính sách đối với người lao động:**

Người lao động trong Công ty được thực hiện Hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động và theo Luật Doanh nghiệp.

Doanh nghiệp nộp đầy đủ BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn và các nghĩa vụ cho người lao động theo Luật BHXH và các quy định hiện hành.

**6. Đất đai nhà xưởng của Công ty đang sở hữu và đi thuê: Không có**



**7. Hoạt động kinh doanh:****7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Đơn vị: đồng

| Các chỉ tiêu tài chính          | Năm 2012      | Năm 2013       | Năm 2014      | 31/01/2015    |
|---------------------------------|---------------|----------------|---------------|---------------|
| <b>1. Tổng tài sản</b>          | 3,650,319,473 | 3,967,203,944  | 4,555,285,810 | 6,499,193,713 |
| % tăng giảm                     | 0.00%         | 8.68%          | 14.82%        | 42.67%        |
| <b>2. Vốn điều lệ</b>           | 1,875,000,000 | 1,875,000,000  | 2,600,000,000 | 4,600,000,000 |
|                                 | 0.00%         | 0.00%          | 38.67%        | 76.92%        |
| <b>3. Doanh thu thuần</b>       | 3,163,522,873 | 13,752,629,685 | 7,150,943,182 | 61,500,000    |
| % tăng giảm                     | 0.00%         | 334.73%        | -48.00%       | -99.14%       |
| <b>4. Giá vốn hàng bán</b>      | 99,375,455    | 11,111,958,354 | 4,768,614,000 | 0             |
| % tăng giảm                     | 0.00%         | 11081.79%      | -57.09%       | -100.00%      |
| <b>5. Giá vốn hàng bán/ DTT</b> | 3.14%         | 80.80%         | 66.69%        |               |
| <b>6. Lợi nhuận sau thuế</b>    | 1,910,886     | 287,204,995    | 42,204,631    | -94,216,544   |
| % tăng giảm                     | 0.00%         | 14929.94%      | -85.31%       | -323.24%      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC năm 2014, tháng 1 năm 2015 chưa kiểm toán của Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

Trong năm 2012 đến 2014 tổng tài sản của Công ty tăng tương đối ổn định. Năm 2012 tổng tài sản khoảng 3,6 tỷ đồng, đến năm 2014 đạt 4,6 tỷ đồng, nguyên nhân chính là do sự biến động của tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn tuy giảm (giảm 254 triệu) nhưng nhỏ hơn mức tăng tài sản ngắn hạn (tăng 1,1 tỷ đồng).

Có thể thấy Giá vốn hàng bán, lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần biến động rất lớn và cùng chiều tăng giảm với nhau trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2014. Cụ thể khi so sánh mức tăng giảm từng năm so với năm trước nó, ta thấy năm 2012 doanh thu giảm 57,17% (giảm 4,2 tỷ đồng), giá vốn hàng bán giảm 76,39% (giảm gần 321 triệu), lợi nhuận sau thuế giảm 99% chỉ còn 1,9 triệu đồng trong năm 2012. Năm 2013 doanh thu thuần tăng đột biến, giá vốn hàng bán cũng tăng 11081% (tăng 11 tỷ), lợi nhuận sau thuế cũng tăng 14930% từ 1,9 triệu năm 2012 lên 287,2 triệu trong năm 2013. Trong năm 2014 doanh thu thuần giảm 48% (giảm 6,6 tỷ đồng), giá vốn hàng bán giảm 57,1% (giảm 6,3 tỷ đồng) và lợi nhuận sau thuế cũng giảm 85,31% (giảm 245 triệu). Nguyên nhân của sự tăng không ổn định đến từ sự đa dạng trong các ngành nghề kinh doanh của công ty, khiến cho nguồn chi đầu ra và nguồn thu đầu vào của Công ty không ổn định. Năm 2013 công ty có doanh thu, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế cao là do hoạt động kinh doanh tập trung vào kinh doanh tổ chức sự kiện, thương mại. Năm 2012 và năm 2014 nguồn thu chính của công ty đến từ các hoạt động khác

như doanh thu về cung cấp dịch vụ và doanh thu phí, trong khi hoạt động đem lại nguồn thu lớn công ty lại không đầu tư.

Về tỷ lệ Giá vốn hàng bán/ DTT từ năm 2012 đến năm 2014 tăng mạnh, từ 3,14% năm 2012 lên 66,7% năm 2014, có thể thấy giá vốn hàng bán và doanh thu thuần của công ty biến động mạnh và cùng chiều với nhau, nhưng việc GVHB/DTT tăng là do mức tăng của GVHB cao hơn mức tăng của doanh thu trong khi mức giảm của giá vốn hàng bán lại nhỏ hơn mức giảm của doanh thu.

Trong tháng 1 đầu năm 2015, nhìn chung vẫn chưa có thể đưa ra nhận xét gì, công ty vừa tăng vốn điều lệ từ 2,6 tỷ đồng lên 4,6 tỷ đồng.

## 7.2. Cơ cấu chi phí:

| Chi phí          | 2012                 |             | 2013                  |             | 2014                 |             | 31/01/2015         |             |
|------------------|----------------------|-------------|-----------------------|-------------|----------------------|-------------|--------------------|-------------|
|                  | Giá trị (đồng)       | Tỷ trọng    | Giá trị (đồng)        | Tỷ trọng    | Giá trị (đồng)       | Tỷ trọng    | Giá trị (đồng)     | Tỷ trọng    |
| GVHB             | 99,375,455           | 2.64%       | 11,111,958,354        | 79.37%      | 4,768,614,000        | 66.57%      | -                  | 0.00%       |
| Chi phí TC       | -                    | 0.00%       | -                     | 0.00%       | 280,500              | 0.00%       | 16,500             | 0.01%       |
| Chi phí lãi vay  | -                    | 0.00%       | -                     | 0.00%       | -                    | 0.00%       | -                  | 0.00%       |
| Chi phí bán      | 1,149,985,263        | 30.56%      | 1,147,486,954         | 8.20%       | 499,073,150          | 6.97%       | 35,771,523         | 22.97%      |
| Chi phí QLDN     | 2,442,469,837        | 64.91%      | 1,675,872,550         | 11.97%      | 1,894,903,754        | 26.45%      | 119,930,830        | 77.02%      |
| Chi phí khác     | 71,154,207           | 1.89%       | 64,160,466            | 0.46%       | 21,209               | 0.00%       | -                  | 0.00%       |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>3,762,984,762</b> | <b>100%</b> | <b>13,999,478,324</b> | <b>100%</b> | <b>7,162,892,613</b> | <b>100%</b> | <b>155,718,853</b> | <b>100%</b> |

(Nguồn: BCTC các năm đã được kiểm toán - Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

Nhìn chung Tổng chi phí của Công ty biến động qua các năm rất nhiều. Năm 2012 tổng chi phí giảm 51% (giảm 3,9 tỷ đồng) so với năm 2011, năm 2013 tăng 272% (tăng 10,2 tỷ đồng), năm 2014 giảm 48,8% (giảm 6,8 tỷ đồng).

Về tỷ trọng từng loại chi phí trong tổng chi phí của Công ty cũng không ổn định. Giá vốn hàng bán trong 2 năm 2011 và năm 2012 chiếm tỷ trọng rất thấp lần lượt là 5,5% và 2,64% nhưng đến năm 2013 và năm 2014 lại có tỷ trọng rất cao, lần lượt (79% và 66%). Chi phí bán hàng trong 2 năm 2011 và năm 2013 chiếm tỷ trọng tương đối cao (lần lượt là 35% và 30%) nhưng



2 năm 2013 và năm 2014 lại giảm tỷ trọng xuống khá thấp (lần lượt là 8,2% và 6,9%). Tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng giảm trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2013 (giảm từ 59% xuống còn 12%) nhưng sang năm 2014 tỷ trọng chi phí doanh nghiệp lại tăng trở lại và đạt 26,5%. Tỷ trọng về chi phí tài chính và các loại chi phí khác quá nhỏ nên không có tác động nhiều.

Sự thay đổi về tổng chi phí và tỷ trọng của từng loại chi phí như vậy là do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất là do công tác quản lý chi phí của công ty, nếu thực hiện tốt sẽ tiết kiệm được các loại chi phí như Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng. Thứ hai là do chính sách đầu tư của công ty. Nguyên nhân trong năm 2013 tổng chi phí lại tăng cao như vậy là do Giá vốn hàng bán tăng đột biến (tăng gần 11 tỷ đồng), trong năm 2013 công ty tập trung đầu tư vào các hoạt động kinh doanh tổ chức sự kiện, thương mại, tỷ trọng giá vốn hàng bán tăng cao một phần cũng tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm (giảm 53%). Năm 2014 thì tổng chi phí giảm nguyên nhân là do chi phí bán hàng đặc biệt là giá vốn hàng bán, trong năm 2014 công ty tập trung đầu tư vào các kinh doanh cung cấp các dịch vụ và bán hàng.

Trong tháng 01 năm 2015, các chi phí chính chỉ bao gồm chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng, hai chi phí này chiếm tỷ trọng lần lượt là 77% và 23%, vì trong tháng 1 Công ty chưa có những hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động bán hàng.

### 7.3. Tình hình công nợ hiện nay:

Đơn vị: đồng

| CHỈ TIÊU                           | 31/12/2012         | 31/12/2013           | 31/12/2014           | 31/01/2015           |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Phải thu của khách hàng            | 765,900,400        | 1,439,121,400        | 1,377,269,859        | 1,423,769,859        |
| Trả trước cho người bán            | -                  | 155,919,000          | 5,500,000            | 5,500,000            |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn           | -                  | -                    | -                    | -                    |
| Các khoản phải thu khác            | 149,261,088        | 342,294,250          | 342,294,250          | 342,294,250          |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | -                  | -                    | -                    | -                    |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                   | <b>915,161,488</b> | <b>1,937,334,650</b> | <b>1,725,064,109</b> | <b>1,771,564,109</b> |

(Nguồn: BCTC các năm đã được kiểm toán - Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

Tổng các khoản phải thu tại thời điểm 31/12/2014 tăng 88,5% so với năm 2012 và giảm 11% so với năm 2013. Hai khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng các khoản phải thu đó là các khoản phải thu khách hàng luôn đạt từ 74% đến 84% và các khoản phải thu khác luôn

òn định ở mức từ 16% đến 19%. Những khoản như trả trước cho người bán, dự phòng các khoản thu ngắn hạn khó đòi... chiếm tỷ trọng trong tổng các khoản phải thu không đáng kể. Trong năm 2013 và năm tổng các khoản phải thu tăng lên là do công ty mở rộng quy mô kinh doanh, các hoạt động như tổ chức sự kiện, thương mại, hoạt động về bán hàng, thu phí các dịch vụ cho thuê...chính vì vậy có thêm nhiều khoản khách hàng trả muộn, đồng thời phát sinh thêm nhiều khoản chi phí khác trong quá trình kinh doanh.

Trong tháng 1 năm 2015 thì tổng các khoản phải thu vẫn chưa biến động nhiều so với thời điểm cuối năm 2014, nguyên nhân là do trong khoảng thời gian 1 tháng thì các khoản nợ vẫn chưa có thể xử lý xong được.

Đơn vị: đồng

| CHỈ TIÊU                                 | 12/31/2012           | 31/12/2013           | 31/12/2014           | 31/01/2015           |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                       | <b>1,753,337,156</b> | <b>1,710,780,366</b> | <b>1,579,760,658</b> | <b>1,617,885,105</b> |
| Vay và nợ ngắn hạn                       | 273,717,923          | 153,717,923          | 168,717,923          | 168,717,923          |
| Phải trả người bán                       | 36,048,920           | 344,625,470          | 458,005,620          | 458,005,620          |
| Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước | -                    | 64,844,008           | 19,224,166           | 19,224,166           |
| Phải trả người lao động                  | 98,859,416           | 185,373,065          | 133,850,388          | 132,119,708          |
| Các khoản phải trả phải nộp khác         | 1,329,255,897        | 949,140,900          | 799,512,561          | 832,554,052          |
| <b>Nợ dài hạn</b>                        | <b>-</b>             | <b>157,398,000</b>   | <b>107,398,000</b>   | <b>107,398,000</b>   |
| Phải trả dài hạn khác                    | -                    | 157,398,000          | 107,398,000          | 107,398,000          |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                         | <b>1,753,337,156</b> | <b>1,868,178,366</b> | <b>1,687,158,658</b> | <b>1,725,283,105</b> |

uồn: BCTC các năm đã được kiểm toán - Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng

Nợ ngắn hạn chiếm gần như hoàn toàn trong tổng các khoản phải trả, trung bình chiếm 92% đến 100% tổng các khoản phải trả trong giai đoạn 2012-2014. Do vậy, tổng các khoản phải trả có biến động cùng chiều với tổng nợ ngắn hạn. Trong năm 2012, nợ ngắn hạn của Công ty ghi nhận đạt 1,7 tỷ đồng (chiếm 100% tổng nợ) cao nhất trong cả giai đoạn. Trong tổng các khoản Nợ ngắn hạn thì Các khoản phải trả phải nộp khác luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, luôn đạt trên 50% tổng Nợ ngắn hạn, đặc biệt trong năm 2012 đạt gần 76%. Bởi vì do công ty nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn và do các khoản phải trả khác phát sinh nhiều, ngoài ra công ty còn nợ các khoản như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn... Các khoản còn lại như Vay và nợ ngắn hạn giảm nhẹ từ 1,7 tỷ đồng xuống 1,6 tỷ đồng (giảm từ 15,6% xuống còn 10,7%) trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2014, do tổng các khoản phải trả tăng lên trong khi khoản Vay và nợ ngắn hạn lại giảm xuống nên đã làm cho tỷ trọng của khoản này trong nợ ngắn hạn giảm, mà phần lớn khoản này là từ vay ngắn hạn, có thể thấy rằng công ty đang hạn chế những khoản vay ngắn hạn này mà tập trung lấy vốn từ khoản phải trả phải nộp khác. Khoản phải trả người bán có tỷ trọng trong tổng nợ tăng dần từ 20% trong năm 2012 lên 29% trong năm 2014.

Trong tháng 01 năm 2015 thì do thời gian 1 tháng là khá ngắn nên nhìn chung tình hình các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vẫn ổn định so với cuối năm 2014.

Nợ dài hạn của công ty chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng nợ của công ty, cao nhất mới chỉ đạt 8,53% trong năm 2013. Phần đa là do các khoản phải trả dài hạn phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

#### 7.4. Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: đồng

| Hoạt động kinh doanh                  | Năm 2012             |             | Năm 2013              |             | Năm 2014             |             | 21/01/2015        |             |
|---------------------------------------|----------------------|-------------|-----------------------|-------------|----------------------|-------------|-------------------|-------------|
|                                       | Doanh thu            | %           | Doanh thu             | %           | Doanh thu            | %           | Doanh thu         | %           |
| Doanh thu tổ chức sự kiện, thương mại | 221,032,182          | 7.0%        | 11,556,543,352        | 83.9%       | -                    | 0.0%        | -                 | 0.0%        |
| Doanh thu về cung cấp dịch vụ         | 2,623,227,271        | 82.7%       | 1,822,100,000         | 13.2%       | 1,378,000,000        | 20.8%       | 45,000,000        | 100.0%      |
| Doanh thu phí                         | 328,800,000          | 10.4%       | 391,800,000           | 2.8%        | 5,262,743,182        | 79.2%       | -                 | 0.0%        |
| <b>Tổng cộng</b>                      | <b>3,173,059,453</b> | <b>100%</b> | <b>13,770,443,352</b> | <b>100%</b> | <b>6,640,743,182</b> | <b>100%</b> | <b>45,000,000</b> | <b>100%</b> |

Doanh thu của doanh nghiệp từ ba nguồn chính : Doanh thu tổ chức sự kiện, thương mại; Doanh thu về cung cấp dịch vụ và Doanh thu phí. Tuy vậy tỷ trọng của các loại doanh thu này trong mỗi năm biến động rất lớn khiến cho tổng doanh thu cũng biến động theo. Cụ thể Doanh thu tổ chức sự kiện, thương mại chiếm tỷ trọng 7% trong năm 2012 đã tăng mạnh 11,3 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng 84% trong năm 2013, trong năm 2014 lại giảm 100% xuống còn 0 đồng. Doanh thu về cung cấp dịch vụ có tỷ trọng giảm từ 82,7% xuống còn 20,8% từ năm 2012 đến năm 2014. Tỷ trọng Doanh thu phí từ năm 2012 đến năm 2013 giảm 7,6% (từ 10,4% xuống còn 2,8%) và tăng mạnh trở lại lên 79,2% trong năm 2014.

**7.5. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

| CHỈ TIÊU                                     | Đvt | 2011  | 2012  | 2013     | 2014    |
|--|-----|-------|-------|----------|---------|
| <b>Khả năng thanh toán</b>                   |     |       |       |          |         |
| 1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn     | Lần | 0.85  | 0.87  | 1.32     | 1.70    |
| 2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh           | Lần | 0.83  | 0.87  | 1.32     | 1.46    |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>        |     |       |       |          |         |
| 1. Vòng quay các khoản phải thu              | Lần | 14.02 | 4.39  | 9.64     | 3.91    |
| 2. Vòng quay hàng tồn kho                    | Lần | 13.58 | 6.28  | 34059.64 | 25.47   |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>         |     |       |       |          |         |
| 1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu     | %   | 2.50  | 0.06  | 0.59     | -153.20 |
| 2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | %   | 9.85  | 0.10  | 1.62     | -2.05   |
| 3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản   | %   | 4.86  | 0.05  | 0.93     | -1.45   |
| <b>Chỉ số về cơ cấu vốn</b>                  |     |       |       |          |         |
| 1. Tỷ lệ nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu          | %   | 99.96 | 92.43 | 58.82    | 36.14   |
| 2. Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản            | %   | 49.99 | 48.03 | 37.04    | 26.55   |

guồn: BCTC các năm đã được kiểm toán - Công ty Cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng)

**Về chỉ tiêu khả năng thanh toán:** Hệ số khả năng thanh toán của công ty tăng đều từ năm 2012 đến năm 2014. Trong năm 2012 cả hệ số thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều dưới 1 (đều chỉ đạt 0,87), nhưng 2 hệ số này đã tăng lên trong năm 2014 (lần lượt là 1,7 và 1,46). Chỉ số thanh toán nhanh đạt mức an toàn (>1) do công ty đang có xu hướng hạn chế vay ngắn hạn, đồng thời tiền và các khoản tương đương tiền tăng và hàng tồn kho giảm. Hiện tại các chỉ số về khả năng thanh toán đang ở mức an toàn, đây là tín hiệu tốt đảm bảo khả năng duy trì hoạt động kinh doanh, thanh toán nhanh cho khách hàng, nâng cao uy tín.

**Về chỉ tiêu năng lực hoạt động:** Nhìn chung vòng quay các khoản phải thu và vòng quay hàng tồn kho của công ty biến động không ổn định, do doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản phải thu... không ổn định. Vòng quay các khoản phải thu và vòng quay hàng tồn kho đều tăng trong năm 2013, nguyên nhân là tốc độ tăng của các khoản phải thu không cao bằng tốc độ tăng doanh thu và giá vốn hàng bán cũng tăng cao trong khi hàng tồn kho lại giảm khiến cho vòng quay hàng tồn kho tăng lên mức 34059,64. Tuy vậy trong năm 2014 hai hệ số vòng quay các khoản phải thu và vòng quay hàng tồn kho giảm xuống lần lượt 3,91 và 25,47, nguyên nhân là do doanh thu thuần và giá vốn hàng bán giảm, đồng thời các khoản phải thu và hàng tồn kho tăng.

**Về chỉ tiêu khả năng sinh lời:** các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng mạnh trong năm 2013, nguyên nhân là trong năm 2013 lợi nhuận sau thuế trong năm 2013 tăng mạnh hơn so với mức độ tăng của tài sản, vốn chủ sở hữu. Trong năm 2014 các chỉ tiêu này đồng loạt

cũng giảm xuống bởi lợi nhuận sau thuế giảm trong khi vốn chủ sở hữu và tổng tài sản vẫn tăng nhẹ.

**Về chỉ tiêu cơ cấu vốn:** Tỷ lệ nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu và tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản ngày càng giảm dần nguyên nhân là do tỷ lệ nợ phải trả giảm trong khi vốn chủ sở hữu và tổng tài sản lại tăng.

## THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT

### 3. Đánh giá thuận lợi và khó khăn của Công ty trong quá trình kinh doanh:

#### ❖ *Thuận lợi:*

- Năm 2013, Công ty đã nỗ lực điều hành công tác kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa hoạt động ổn định, tốt hơn năm 2012 và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Giấy phép kinh doanh ngành xuất nhập khẩu lao động là rào cản với các doanh nghiệp muốn tham gia thị trường này vì đòi hỏi nhiều điều kiện pháp lý và quy định ngặt nghèo. Đây cũng là lợi thế của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp muốn tham gia vào thị trường này.

#### ❖ *Khó khăn:*

- Trong năm 2014, dưới tác động của suy giảm kinh tế thế giới cũng như khó khăn của kinh tế trong nước, Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong công tác xuất khẩu lao động.
- Về xuất nhập khẩu hàng hóa, trong bối cảnh kinh tế suy thoái, hoạt động sản xuất kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro do một số đối tác gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh. Năm 2014, Công ty chỉ có doanh thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu phí chứ không có doanh thu từ tổ chức sự kiện, thương mại.
- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ngày càng lớn. Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh trên thị trường, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân với vốn lớn và trình độ chuyên nghiệp.

### 4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm tới:

Hiện tại, Công ty đang phải gánh chịu một khoản thua lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh từ trước năm 2013, ngoài ra lợi nhuận sau thuế liên tục bị âm do Công ty vẫn đang phải gánh chịu khoản thuế rất lớn. Do đó các năm sắp tới nếu có lợi nhuận thì cũng chủ yếu để bù đắp khoản thua lỗ này. Tính đến thời điểm 31/12/2013, số lỗ lũy kế là (11.336.991.945) đồng.

Hiện tại, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đang gặp phải rất nhiều khó khăn như đã trình bày tại Mục 3 của báo cáo, mặt khác công ty trong giai đoạn hiện nay không tìm kiếm được nguồn khách hàng nào thay thế cho việc bị mất khách hàng lớn ở thị trường Mỹ. Do vậy, việc xây dựng kế hoạch kinh doanh trong các năm tới thiếu cơ sở.

## IV. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế:

Trong năm 2014, nền kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức. Nền kinh tế toàn cầu có nhiều diễn biến phức tạp cả về kinh tế về chính trị. Ở trong nước, sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với những khó khăn, áp lực: Sức mua trên thị trường thấp; khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm... Trong đó, đáng chú ý là thời gian gần đây tình hình biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, bước đầu ảnh hưởng đến động thái phát triển kinh tế - xã hội và đời sống dân cư cả nước.

Trước đó trong năm 2013, quốc hội đã thông qua nhiều chính sách quan trọng áp dụng từ năm 2014. Trong đó, chính sách giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 1/1/2014 xuống còn 22% dự kiến sẽ tạo ra cú hích lớn trong nền kinh tế và là cơ hội cho nhiều Doanh nghiệp tận dụng vốn trong Sản xuất-Kinh doanh. Kèm theo đó, các chính sách có lợi về tiền lương cơ sở cùng với thuế thu nhập cá nhân cũng được đề xuất và thông qua, là những thông tin đáng mừng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2014 kết thúc với với tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao hơn cùng kỳ hai năm trước (ước tính đạt 5,18% so với mức 4,93% năm 2013). Ngoài ra, tăng trưởng GDP hàng quý, sau khi loại bỏ yếu tố mùa vụ, tiếp tục có xu hướng tăng kể từ quý 2/2013. Giá cả hàng hóa khá ổn định, với mức tăng của Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,77% so với bình quân cùng kỳ năm trước lạm phát tiếp tục được kiểm soát ở tỷ lệ thấp hơn 5% trong những tháng đầu năm 2014.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 70,9 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm 2013. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 69,6 tỷ USD, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 10,3% .Như vậy, Việt Nam tiếp tục xuất siêu xấp xỉ 1,3 tỷ USD trong nửa đầu năm 2014, sau khi đã xuất siêu 0,9 tỷ USD ở năm trước đó.

Nhìn chung, nền kinh tế nước ta trong 6 tháng đầu năm 2014 tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng một số ngành, lĩnh vực đã có chuyển biến theo hướng tích cực. Thể hiện rõ nhất là lạm phát được kiểm chế ở mức thấp; kinh tế vĩ mô ổn định; sản xuất công nghiệp chế biến có dấu hiệu phục hồi dần; xuất khẩu hàng hóa tiếp tục đạt mức tăng khá. Tuy nhiên, trong thời gian qua, vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập chưa được giải quyết triệt để; thời gian tới, những thách thức mới xuất hiện sẽ gây không ít áp lực cho sản xuất, kinh doanh trong nước và ảnh hưởng đến đời sống dân cư. Điều này thực sự sẽ có những tác động tích cực đến các chủ thể tham gia vào nền kinh tế, trong đó có Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng.



## 2. Rủi ro Pháp luật:

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng phải chịu sự chi phối của Pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện.

- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

## 3. Rủi ro đặc thù:

### Cạnh tranh

Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực xuất khẩu lao động ngày càng lớn. Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành nghề kinh doanh trên thị trường, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân với vốn lớn và trình độ chuyên nghiệp.

## 4. Rủi ro từ đợt bán đấu giá:

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện thoái vốn của mình tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi. Rủi ro của đợt bán đấu giá là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

## 5. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.



## V. DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC CHỨC DANH QUẢN LÝ CÔNG TY

### 1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

#### ❖ Ông Lã Tuấn Hưng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

|   |  |
|---|--|
| Họ và tên                               | Lã Tuấn Hưng   |
| Ngày tháng năm sinh                     | 23/04/1973   |
| Số CMND                                 | 012165747  |
| Quốc tịch                               | Việt Nam   |
| Dân tộc                                 | Kinh   |
| Địa chỉ thường trú                      | Số 5 – A9, tổ 33, TT Đại học Ngoại Ngữ, Phường Dịch Vọng, Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa                        | 12/12  |
| Trình độ chuyên môn                     | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc   |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Chủ tịch HĐQT  |
| Số cổ phần nắm giữ                      | 255.000  |
| - Cá nhân                               | 105.000  |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | 150.000  |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không  |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không  |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không  |

#### ❖ Ông Lã Tuấn Hưng – Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị

|                     |  |
|---------------------|--|
| Họ và tên           | Lã Tuấn Hưng   |
| Ngày tháng năm sinh | 23/04/1973   |
| Số CMND             | 012165747  |
| Quốc tịch           | Việt Nam   |
| Dân tộc             | Kinh   |
| Địa chỉ thường trú  | Số 5 – A9, tổ 33, TT Đại học Ngoại Ngữ, Phường Dịch Vọng, Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa    | 12/12  |

|   |                                    |
|---|------------------------------------|
| Trình độ chuyên môn                     | Cử nhân                            |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| Số cổ phần nắm giữ                      | 255.000                            |
| - Cá nhân                               | 105.000                            |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | 150.000                            |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không                              |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không                              |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không                              |

❖ **Ông Đỗ Thành Trung - Thành viên Hội đồng quản trị**

|   |   |
|---|---|
| Họ và tên                               | Đỗ Thành Trung  |
| Ngày tháng năm sinh                     | 20/05/1980  |
| Số CMND                                 | 013495829   |
| Quốc tịch                               | Việt Nam  |
| Dân tộc                                 | Kinh  |
| Địa chỉ thường trú                      | 49A ngách 211/85 phố Khương Trung,<br>quận Thanh Xuân, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa                        | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                     | Cử nhân   |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Thành viên Hội đồng quản trị                                  |
| Số cổ phần nắm giữ                      | 75.000  |
| - Cá nhân                               | Không   |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | 75.000  |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không   |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không   |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không   |

**2. Danh sách thành viên Ban Giám đốc****❖ Ông Lã Tuấn Hưng – Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị**

Xem phần VII.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

**❖ Bà Nguyễn Thị Thảo - Phó Tổng Giám đốc**

|   |   |
|---|---|
| Họ và tên                               | Nguyễn Thị Thảo                         |
| Ngày tháng năm sinh                     | 03/09/1975                              |
| Số CMND                                 | 011782147                               |
| Quốc tịch                               | Việt Nam                                |
| Dân tộc                                 | Kinh                                    |
| Địa chỉ thường trú                      | Số 7 ngõ 112 Tây Sơn - Đống Đa - Hà Nội |
| Trình độ văn hóa                        | 12/12                                   |
| Trình độ chuyên môn                     | Cử nhân kế toán tổng hợp                |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Phó Tổng Giám đốc                       |
| Số cổ phần nắm giữ                      | Không                                   |
| - Cá nhân                               | Không                                   |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | Không                                   |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không                                   |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không                                   |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không                                   |

**3. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:****❖ Bà Nguyễn Thị Nhung - Trưởng Ban kiểm soát**

|                     |  |
|---------------------|--|
| Họ và tên           | Nguyễn Thị Nhung   |
| Ngày tháng năm sinh | 14/07/1974   |
| Số CMND             | 013065397  |
| Quốc tịch           | Việt Nam   |
| Dân tộc             | Kinh   |
| Địa chỉ thường trú  | TT học viện chính trị quân sự, tổ 57A, cụm 9, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội |

|   |                      |
|---|----------------------|
| Trình độ văn hóa                        | 12/12                |
| Trình độ chuyên môn                     | C ử nhân kế toán     |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Trưởng Ban Kiểm soát |
| Số cổ phần nắm giữ                      | 50.000               |
| - Cá nhân                               | Không                |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | 50.000               |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không                |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không                |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không                |

❖ **B à Đ ỗ Thị Duyên - Thành viên Ban kiểm soát**

|   |                                  |
|---|----------------------------------|
| Họ và tên                               | Đ ỗ Thị Duyên                    |
| Ngày tháng năm sinh                     | 01/03/1982                       |
| Số CMND                                 | 012215627                        |
| Quốc tịch                               | Việt Nam                         |
| Dân tộc                                 | Kinh                             |
| Địa chỉ thường trú                      | 76b Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa                        | 12/12                            |
| Trình độ chuyên môn                     | C ử nhân ngoại ngữ tiếng Trung   |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Thành viên Ban kiểm soát         |
| Số cổ phần nắm giữ                      | Không                            |
| - Cá nhân                               | Không                            |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | Không                            |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không                            |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không                            |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không                            |

**4. Kế toán trưởng:****❖ Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Kế toán trưởng**

|   |   |
|---|---|
| Họ và tên                               | Nguyễn Thị Thu Hương                              |
| Ngày tháng năm sinh                     | 11/09/1981  |
| Số CMND                                 | 019181000031                                      |
| Quốc tịch                               | Việt Nam  |
| Dân tộc                                 | Kinh  |
| Địa chỉ thường trú                      | Số 104-A5, tập thể T262 Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa                        | 12/12   |
| Trình độ chuyên môn                     | Cử nhân kế toán                                   |
| Chức vụ đang nắm giữ                    | Quyền Kế toán trưởng                              |
| Số cổ phần nắm giữ                      | Không   |
| - Cá nhân                               | Không   |
| - Đại diện sở hữu vốn nhà nước          | Không   |
| Các khoản nợ đối với Công ty            | Không   |
| Thù lao và các lợi ích khác             | Không   |
| Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành | Không   |

## VI. CỔ PHIẾU BÁN ĐẤU GIÁ

### 1. Thông tin cơ bản:

- ❖ **Tên tổ chức phát hành** : CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI SÔNG HỒNG
- ❖ **Tên Tiếng Anh** : SONGHONG INTERNATIONAL MANPOWER AND TRADING JOINT STOCK COMPANY
- ❖ **Tên viết tắt** : SONGHONG IM.,JSC
- ❖ **Trụ sở chính** : Số 70C An Dương - Tây Hồ - Hà Nội
- ❖ **Điện thoại** : 043 7173 720
- ❖ **Fax** : 043 7173 721
- ❖ **Vốn Điều lệ hiện tại** : 5.000.000.000 đồng
- ❖ **Loại cổ phần phát hành** : Cổ phần phổ thông
- ❖ **Mệnh giá cổ phần** : 10.000 đồng (Mười ngàn đồng chẵn)
- ❖ **Số lượng cổ phần đấu giá** : 275.000 cổ phần
- ❖ **Giá khởi điểm** : **10.500 đồng/cổ phần**
- ❖ **Hình thức phát hành** : Đấu giá công khai cả lô

### 2. Mục đích của việc chào bán:

Mục đích của việc chào bán cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại doanh nghiệp mà Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không cần giữ cổ phiếu.

### 3. Phương pháp tính giá:

Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp, nhà đầu tư đặt mua theo giá nào thì được mua cổ phần theo giá đó.

### 4. Phương thức phân phối:

Tổ chức bán đấu giá công khai ra bên ngoài.

### 5. Đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá:

- Có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có địa chỉ cụ thể, rõ ràng; Nếu người đại diện pháp nhân thì phải có giấy ủy quyền; Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự.

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân và cá nhân trong nước, phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên

lãnh thổ Việt nam và tuân thủ Pháp luật Việt nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

- Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc giấy mời.

- Đặt cọc đủ 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban đấu giá công bố ngay tại thời điểm nộp đơn đăng ký đấu giá.

- Những đối tượng không được tham gia đấu giá:

+ Cán bộ Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng có liên quan đến bán đấu giá cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng ;

+ Cá nhân và tổ chức tài chính trung gian thực hiện định giá hoặc đấu giá bán cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tại Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng.

#### **6. Thời gian và địa điểm đăng ký tham dự đấu giá:**

- Thời gian đăng ký tham dự đấu giá và nộp tiền đặt cọc: từ 08h30 ngày 01/04/2015 đến 15h30 ngày 24/04/2015.

- **Địa điểm đăng ký tham dự đấu giá và nộp cọc:** Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (mọi chi phí liên quan đến việc nộp tiền, chuyển tiền đặt cọc thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư).

#### **❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức đấu giá:**

##### ***Công ty cổ phần chứng khoán đầu tư Việt Nam***

- **Địa chỉ** : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại** : (84-4) 3573 0073
- **Fax** : (84-4) 3573 0088

#### **❖ Đăng ký tham dự đấu giá qua Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng :**

##### ***Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng***

- **Địa chỉ** : Số 70C An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

- **Điện thoại** : 043 7173 720
- **Fax** : 043 7173 721

- Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

**Lưu ý:** Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời gian làm thủ tục đăng ký nêu trên.

Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức đấu giá.

## **7. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá:**

### **❖ Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:**

- Phiếu do Tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính);
- Có đóng dấu treo của Tổ chức bán đấu giá và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định;
- Phiếu không được tẩy xóa hoặc rách nát;
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm;
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký;
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên phiếu và chữ ký giáp lai niêm phong của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định;
- Nếu có sự khác nhau giữa giá trị được ghi bằng số và giá trị được ghi bằng chữ thì giá trị được ghi bằng chữ sẽ được công nhận.

### **❖ Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định và có 2 cách bỏ phiếu kín:**

#### **- Cách 1: Đối với nhà đầu tư tham dự vắng mặt:**

Nhà đầu tư gửi phiếu tham dự đấu giá chậm nhất 15h30 ngày 27/04/2015 đến địa điểm sau:

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam**

**Địa chỉ:** Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá ký nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.

#### **- Cách 2: Đối với nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá tại nơi tổ chức đấu giá:**

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu theo thông báo thời điểm bỏ phiếu của Ban tổ chức đấu giá tại buổi đấu giá.

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá và ký nhận với nhà đầu tư.



Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu nơi cấp phiếu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

#### **8. Lưu ý một số vấn đề đối với nhà đầu tư khi đến tham dự đấu giá:**

- Nếu là cá nhân phải có chứng minh thư nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ.
- Trường hợp người đại diện cho pháp nhân mà không phải là người đại diện pháp lý của đơn vị, thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp lý của đơn vị.
- Đem phiếu đấu giá có đóng dấu treo của tổ chức đấu giá.

#### **9. Thời hạn thanh toán và hoàn trả tiền đặt cọc:**

- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Từ 8h30 ngày 06/05/2015 đến 15h30 ngày 08/05/2015.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Từ 8h30 ngày 06/05/2015 đến 15h30 ngày 08/05/2015.
- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy thông báo trúng giá.
- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần.

#### **10. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần:**

**Tài khoản số** : 122 100003 08562

**Tại** : NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

**Chủ Tài khoản** : Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.

**Nội dung** : Nộp tiền mua cổ phần của Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng.

#### **11. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, việc bán cổ phần Nhà nước tại doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định đặc biệt và theo quy định tại Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam (Điều 10 của Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2007 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp của Thủ tướng Chính phủ) thì mức góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở doanh nghiệp Việt Nam với mức không hạn chế.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng: Không  
13. Các loại thuế có liên quan đến cổ phần chào bán: Không

## **VII. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ**

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam**

**Địa chỉ:** Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

2. Thời gian tổ chức đấu giá: **15h00 ngày 05/05/2015.**

## **VIII. ĐỊA ĐIỂM CÔNG BỐ BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

1. Công ty cổ phần Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông Hồng

**Địa chỉ** : Số 70C An Dương - Tây Hồ - Hà Nội

**Điện thoại** : 043 7173 720

**Fax** : 043 7173 721

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán đầu tư Việt Nam

**Địa chỉ** : Tầng 1, tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

**Điện thoại** : (84-4) 3573 0073

**Fax** : (84-4) 3573 0088

**Website** : [www.ivs.com.vn](http://www.ivs.com.vn)

**Đại diện Công ty cổ phần**

**Nhân lực quốc tế và Thương mại Sông  
Hồng**

*(Đã ký)*

**Đại diện Công ty cổ phần**

**Chứng khoán Đầu tư Việt Nam**

*(Đã ký)*

---

**Bà: Nguyễn Thị Thảo**

**Phó Tổng Giám đốc**

---

**Ông: Bùi Quang Kỳ**

**Phó Tổng Giám đốc**

